TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-11-2022
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

2. Ông Nguyễn Quang Tố.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Việt Phương, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A T, thành phố H, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/10/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quang K, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn D, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1994; địa chỉ: 3cho - 2 ban số A - 406 Ichinochou Nishi, S - Sakai shi, O, Nhật Bản. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Anh Lê Quang K trình bày:

Anh Lê Quang K và chị Trần Thị D quen biết nhau, tìm hiểu tại Việt Nam và sau đó cùng nhau qua Nhật Bản học tập đến năm 2019 thì về Việt Nam để đăng ký kết hôn. Anh K và chị D đã được UBND xã T, thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/7/2019. Sau khi kết hôn, cả hai vợ chồng tiếp tục sang Nhật Bản để sinh sống và học tập. Trong quá trình chung sống tại Nhật Bản, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong lối sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, hôn nhân không có hạnh phúc. Đến tháng 04/2022, anh K quay trở về Việt Nam sinh sống và không có mong muốn quay trở lại Nhật Bản trong khi chị D không muốn về Việt Nam và muốn tiếp tục ở lại Nhật Bản để định cư. Nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Lê Quang K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Ngọc A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Quang K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Theo bị đơn - chị Trần Thị D trình bày: Chị D đồng ý với đề nghị ly hôn của anh Lê Quang K. Về con chung, giữa anh Lê Quang K và chị Trần Thị D không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa không thể về Việt Nam được nên chị Trần Thị D đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lê Quang K được ly hôn chị Trần Thị D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, cả hai đương sự đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.1 Đối với chị Trần Thị D, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Công văn yêu cầu cung cấp lời khai cho chị D theo đường bưu chính. Ngày 04/10/2022, Tòa án đã nhận được văn bản cung cấp lời khai của chị D, văn bản đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Nhật Bản.

1.2 Về sự vắng mặt của các đương sự, ngày 27/10/2022, anh Lê Quang K có đơn xin xét xử vắng mặt; tại văn bản cung cấp lời khai, chị Trần Thị D cũng đề nghi Tòa án giải quyết vắng mặt chị Trần Thị D trong tất cả các phiên họp cũng như tại phiên tòa. Xét đề nghị của anh Lê Quang K và chị Trần Thị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang K và chị Trần Thị D tự nguyện đi đến hôn nhân, đã được UBND xã T, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/7/2019, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh K trở về Việt Nam còn chị Trần Thị D tiếp tục ở lại Nhật Bản, do cách trở về địa lý, vợ chồng không có điều kiện gần gũi nhau được, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, nên anh Lê Quang K yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị D.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận cho anh Lê Quang K được ly hôn chị Trần Thị D.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, hai bên đều xác nhận không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Quang K phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 464, điểm a khoản 5 Điều 477, và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Quang K được ly hôn chị Trần Thị D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Quang K và chị Trần Thị D đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quang K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000105 ngày 02/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Lê Quang K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh chị Trần Thị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Quang Bình